# Chapter 1 **Python Syntax**

## Thut dòng (Indentation) — Không có {} hay begin-end

Python dùng **thụt dòng (indentation)** để xác định khối lệnh (**block**), không dùng dấu hhư C/Java.

```
if True:
    print("Yes") # nam trong if
print("Done") # nam ngoai if
```

Lỗi thường gặp: Sai khoảng trắng hoặc trộn tab/spaces.

#### Dấu hai chấm: báo hiệu bắt đầu khối lệnh

```
def say_hi():
    print("Hi") # bắt buộc thụt vào vì có :
```

#### Áp dụng cho:

- if, for, while
- def , class
- try , except , finally
- with
- match (Python 3.10+)

### Không cần khai báo kiểu biến — Dynamically Typed

```
x = 10  # x là int
x = "ten"  # giờ x là string
```

Python tự suy ra kiểu biến tại thời điểm chạy.

#### Biến được gán bằng dấu =

$$x = 5$$
$$y = x + 2$$

Không có var, let, int x = 5; như C-style.

### Gọi hàm = viết tên + dấu ()

```
print("Hello")
result = add(2, 3)
```

### Comment bắt đầu bằng #

# Đây là ghi chú

#### Không có main() bắt buộc, nhưng có thể dùng

```
if __name__ == "__main__":
    main()
```

Dùng để phân biệt chạy trực tiếp hay import từ nơi khác.

#### Mỗi dòng là một câu lệnh (statement)

```
x = 5
print(x)
```

Có thể viết nhiều lệnh trên 1 dòng bằng ; , nhưng không nên dùng:

```
x = 1; y = 2
```

### Danh sách các cú pháp điều khiển

Câu lệnh	Ý nghĩa
if, elif, else	điều kiện
for, while	vòng lặp
break, continue	điều khiển vòng lặp
try, except	xử lý lỗi
def, return	định nghĩa và trả về hàm
class, self	lớp và đối tượng
import, from	nhập module

#### Danh sách các cú pháp điều khiển

#### Ví dụ

```
def greet(name):  # định nghĩa hàm
  if name:
     print(f"Hello, {name}") # in chuỗi
  else:
     print("Hello, stranger")

greet("Vinh") # gọi hàm
```

#### Cốt lõi Python syntax chỉ xoay quanh

- Thụt dòng để tạo khối
- : để mở đầu khối
- Gán =, gọi hàm ()
- Không khai báo kiểu
- Không dấu ngoặc {}, không kết thúc bằng end

cheers

cảm ơn

## thank you!

muchas gracias

dziękuję

danke